

Bản án số: **67/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/7/2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Hữu Đức.

2. Ông Lê Văn Cảnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thùy Dung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị Hồng Nh, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Tuấn A, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/12/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Cao Thị Hồng Nh trình bày:

Chị và bị đơn là anh Lê Tuấn A chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 26/12/2013. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh A có tình cảm phai nhạt với chị, ít quan tâm và chăm sóc vợ con, nên vợ chồng không còn hạnh phúc với nhau nữa, nhiều lần chị có động viên anh A nhưng anh A không sửa đổi nên chị không thể chung sống với anh A được nữa và đã sống ly thân với nhau từ ngày 05/6/2016 cho đến nay, không có thời gian đoàn tụ. Trong quá trình ly thân cho đến nay, anh A cũng không quan tâm

đến vợ con. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh A.

Trong quá trình chung sống chị và anh A có 01 con chung là cháu Lê Tuấn Kh, sinh ngày 05/6/2014 đang chung sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 01 tháng 6 năm 2017, anh A vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay anh A vẫn vắng mặt không lý do, chị Nh có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Anh Lê Tuấn A là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh A.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nhu và anh A chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre vào năm 2013 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị Nh trình bày thì sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh A không lo cho gia đình, chỉ lo nhậu nhẹt dần dần tình cảm vợ chồng phai nhạt nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh A nữa, chị đã bỏ về quê cha mẹ ruột sinh sống tại Lâm Đồng từ ngày 05/6/2016 cho đến nay. Từ khi chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay, anh A chỉ đến thăm con một lần nhưng không lo gì cho con, anh A có đề nghị chị làm đơn xin ly hôn nên chị không thể trở lại chung sống cùng với anh A được nữa. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh A. Tòa án đã tiến hành thông báo tổ chức các phiên hòa giải với mục đích là hòa giải cho anh chị đoàn tụ. Tuy nhiên, anh A đã bỏ mặc không tham gia. Mặt khác, trong thời gian ly thân anh A cũng không quan tâm chăm sóc chị Nh và con chung, không cùng cải thiện tình trạng hôn nhân hiện tại của anh chị để kéo dài đời sống chung mà anh bỏ mặc cho chị Nh tự giải quyết.

Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nh để giải quyết cho chị Nh được ly hôn với anh A.

- *Về con chung*: Chị Nh và anh A có 01 con chung là cháu Lê Tuấn Kh, sinh ngày 05/6/2014 đang chung sống với chị Nh. Sau khi ly hôn chị Nh yêu cầu được

tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Nh và anh A sống ly thân cho đến nay, chị Nh vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ, cháu Kh vẫn phát triển bình thường. Xét thấy không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên Hội đồng xét xử xem xét cần thiết nên giao con chung là cháu Lê Tuấn Kh cho chị Nhu trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Nh về việc yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, chị Nh không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Nh, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nh khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nh phải chịu số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Cao Thị Hồng Nh với anh Lê Tuấn A.

2. *Về con chung*: Chị Cao Thị Hồng Nh và anh Lê Tuấn A có 01 con chung tên Lê Tuấn Kh, sinh ngày 05/6/2014.

Giao con chung cho chị Cao Thị Hồng Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Tuấn A không phải cấp dưỡng cho con chung và được quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở anh A thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Chị Cao Thị Hồng Nh khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Cao Thị Hồng Nh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017115 ngày 07 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị Nhung đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền